

# **Công ty Cổ phần Everpia**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Everpia

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 47

# Công ty Cổ phần Everpia

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 20 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, bông, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và các chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch	
Ông Lee Jae Eun	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2021
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	
Ông Park Sung Jin	Thành viên	
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên	
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên

# Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc Công ty.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Everpia

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

  
Ông Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61110609/22383583-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



**Lê Đức Trường**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.147.223.976.677</b>	<b>1.071.977.782.467</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>44.534.542.371</b>	<b>41.344.568.854</b>
111	1. Tiền		26.738.283.226	23.960.830.679
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.796.259.145	17.383.738.175
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>536.392.679.147</b>	<b>534.270.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		19.710.223.671	20.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(887.544.524)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		517.570.000.000	514.270.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>204.726.182.644</b>	<b>146.680.340.442</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	160.757.777.907	134.129.999.632
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	36.956.363.257	13.634.948.620
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.988.439.439	23.888.133.245
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(23.976.397.959)	(24.972.741.055)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>355.922.831.197</b>	<b>344.659.198.714</b>
141	1. Hàng tồn kho		375.751.879.275	361.038.139.221
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(19.829.048.078)	(16.378.940.507)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.647.741.318</b>	<b>5.023.674.457</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.097.265.359	3.365.109.886
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		550.475.959	1.658.564.571



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>256.240.147.765</b>	<b>277.342.156.361</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.373.803.661</b>	<b>3.068.101.054</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.373.803.661	3.068.101.054
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>187.271.645.215</b>	<b>205.365.101.809</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	184.389.646.143	201.705.006.975
222	Nguyên giá		582.299.569.873	583.509.943.716
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(397.909.923.730)	(381.804.936.741)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.881.999.072	3.660.094.834
228	Nguyên giá		41.013.062.876	41.013.062.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(38.131.063.804)	(37.352.968.042)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>22.697.341.034</b>	<b>25.097.341.034</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		34.285.000.000	34.285.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		12.790.390.000	15.190.390.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.638.200.000	2.638.200.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(27.016.248.966)	(27.016.248.966)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>44.897.357.855</b>	<b>43.811.612.464</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	26.098.724.184	25.550.584.092
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	18.798.633.671	18.261.028.372
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.403.464.124.442</b>	<b>1.349.319.938.828</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>481.241.754.408</b>	<b>397.886.214.791</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>229.762.211.844</b>	<b>145.834.839.716</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	63.463.668.220	44.084.106.701
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	19.127.158.261	16.245.685.048
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.892.533.860	15.637.850.076
314	4. Phải trả người lao động		16.790.240.057	17.746.406.860
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	6.242.160.993	1.805.648.638
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	18.676.852.578	1.352.055.973
320	7. Vay ngắn hạn	18	96.569.597.875	48.963.086.420
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>251.479.542.564</b>	<b>252.051.375.075</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	17.779.824.564	18.866.230.134
338	2. Vay dài hạn	18	667.165.000	603.556.941
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	19	233.032.553.000	232.581.588.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>922.222.370.034</b>	<b>951.433.724.037</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>922.222.370.034</b>	<b>951.433.724.037</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.3	419.797.730.000	419.797.730.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.2	203.072.724.247	203.072.724.247
415	3. Cổ phiếu quỹ		(76.000.000.000)	(76.000.000.000)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.6	3.902.158.886	2.273.497.330
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	371.449.756.901	402.289.772.460
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		362.195.488.654	371.609.457.043
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9.254.268.247	30.680.315.417
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.403.464.124.442</b>	<b>1.349.319.938.828</b>



Người lập biểu  
Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
EVERPIA

Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Hà Nội, Việt Nam


Ngày 27 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	413.823.490.395	383.744.541.248
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(448.215.754)	(349.953.836)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	413.375.274.641	383.394.587.412
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(284.465.343.481)	(285.426.169.271)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		128.909.931.160	97.968.418.141
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	21.204.574.747	24.844.274.915
22	7. Chi phí tài chính	25	(22.931.415.466)	(15.556.016.897)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(18.206.882.646)	(8.067.325.700)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(79.406.670.248)	(64.736.536.377)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(35.876.071.968)	(46.582.840.841)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		11.900.348.225	(4.062.701.059)
31	11. Thu nhập khác	26	782.256.145	376.953.151
32	12. Chi phí khác	26	(568.175.621)	(975.016.681)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	26	214.080.524	(598.063.530)
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		12.114.428.749	(4.660.764.589)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(3.397.765.801)	(2.639.113.065)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	537.605.299	2.244.890.574
60	17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		9.254.268.247	(5.054.987.080)

  
Người lập biểu  
Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Bảo Ngọc

  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae

  
Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>12.114.428.749</b>	<b>(4.660.764.589)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		18.194.676.011	22.731.912.528
03	Trích lập các khoản dự phòng		2.254.903.433	14.474.041.318
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(589.298.085)	(2.130.882.083)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.609.961.220)	(21.044.116.296)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	25	19.617.347.646	8.421.684.200
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>35.982.096.534</b>	<b>17.791.875.078</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(47.908.645.876)	32.850.172.276
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(14.713.740.054)	7.211.220.437
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		23.276.814.137	(23.835.272.246)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.280.295.565)	1.577.832.840
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		289.776.329	12.000.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.042.173.603)	(7.985.617.486)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.871.223.939)	(12.145.954.782)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(474.185.000)	(1.814.225.974)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(15.741.577.037)</b>	<b>25.650.030.143</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(5.278.619.481)	(1.855.029.817)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		584.000.000	27.483.636
23	Tiền chi đầu tư ngắn hạn		(238.300.000.000)	(470.784.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn		235.000.000.000	436.353.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.400.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và đầu tư ngắn hạn		13.040.947.186	17.401.925.855
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>7.446.327.705</b>	<b>(18.856.620.326)</b>

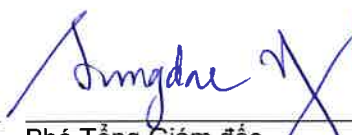
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		114.563.976.487	127.051.216.108
34	Tiền trả nợ gốc vay		(66.819.420.156)	(128.178.961.464)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(36.645.688.650)	(34.022.914.604)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>11.098.867.681</b>	<b>(35.150.659.960)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>2.803.618.349</b>	<b>(28.357.250.143)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>41.344.568.854</b>	<b>63.866.279.854</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		386.355.168	1.990.623.480
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>44.534.542.371</b>	<b>37.499.653.191</b>



Người lập biểu  
Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 20 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chần, ga trải giường, bông, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và các chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 1.360 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.358 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 1 công ty con, thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong công ty con này tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

**Công ty Cổ phần Everpia Korea**

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại phòng số A408-Hyeondae Knowledge Industry Centre, Số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chần ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.500.000 đô la Mỹ (tương đương 34.285.000.000 VND), tương đương với 100% vốn điều lệ vào công ty con này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty cũng có các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng cần lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2021. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng của diện tích đất nhà máy đã thuê tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Nhãn hiệu, kênh phân phối*

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với ông Nguyễn Hoài Thanh vào ngày 22 tháng 2 năm 2019 trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian còn lại của hợp đồng thuê và thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày góp vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### **3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### **3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các khoản dự phòng

##### *Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

##### *Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng*

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã thuê để xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính trong tương lai để trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

#### 3.15 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

#### 3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

#### 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong kỳ và tổng tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	147.885.694	251.740.298
Tiền gửi ngân hàng	26.590.397.532	23.709.090.381
Các khoản tương đương tiền (*)	17.796.259.145	17.383.738.175
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.534.542.371</u></b>	<b><u>41.344.568.854</u></b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,35%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,5%/năm).

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Cổ phiếu (i)	19.710.223.671	19.466.160.000	(887.544.524)	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.710.223.671</u></b>	<b><u>19.466.160.000</u></b>	<b><u>(887.544.524)</u></b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(i) Chi tiết các khoản chứng khoán niêm yết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	5.177.475.292	4.887.960.000	(289.515.292)	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	1.911.519.147	2.555.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	12.621.229.232	12.023.200.000	(598.029.232)	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.710.223.671</u></b>	<b><u>19.466.160.000</u></b>	<b><u>(887.544.524)</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	517.570.000.000	517.570.000.000	514.270.000.000	514.270.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>517.570.000.000</u></b>	<b><u>517.570.000.000</u></b>	<b><u>514.270.000.000</u></b>	<b><u>514.270.000.000</u></b>

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6,9%/năm đến 7,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,4%/năm đến 7,1%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty Apparel Tech Co., Ltd	10.212.686.934	258.763.780
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Thương Mại Xuân Kiểu	8.128.283.867	977.910.448
Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	7.013.170.859	5.489.364.193
Công ty TNHH Ha Hae Việt Nam	6.692.649.384	564.707.395
Công ty Medline Industries, Inc	5.377.503.448	3.166.877.456
Công ty Pan-Pacific Co., Ltd	4.673.586.163	533.370.144
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phú Trường	3.230.802.607	3.230.802.607
Công ty TNHH Thương mại Eady Tax	3.317.841.495	3.317.841.495
Công ty Tak Textiles Korea	876.669.336	8.467.258.427
Các khoản phải thu khách hàng khác	111.234.583.814	108.123.103.687
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>160.757.777.907</u></b>	<b><u>134.129.999.632</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12.523.405.342)	(13.519.748.438)

Một số quyền thụ hưởng các khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	6.787.901.168	237.223.353
Chi nhánh Công ty TNHH Quốc Tế Vũ Gia tại Hà Nam	5.261.741.416	1.004.300.000
Công ty TNHH Guoxin Infu	1.658.773.408	2.410.315.457
Công ty TNHH Thương Mại Và Sản Xuất Nội Thất Hà Trang	1.063.251.591	1.038.699.932
Trả trước cho các đối tượng khác	22.184.695.674	8.944.409.878
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.956.363.257</u></b>	<b><u>13.634.948.620</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.349.845.417	11.349.845.417
Lãi tiền gửi	10.516.827.907	8.392.757.809
Đặt cọc thuê đất (*)	5.038.344.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.990.295.072	2.006.049.137
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	1.168.241.076	1.168.241.076
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	347.397.965	347.397.965
Phải thu ngắn hạn khác	577.488.002	623.841.841
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.988.439.439</b>	<b>23.888.133.245</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11.452.992.617)	(11.452.992.617)
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.373.803.661	2.987.355.101
Phải thu dài hạn khác	-	80.745.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.373.803.661</b>	<b>3.068.101.054</b>

(\*) Đây là khoản đặt cọc theo biên bản thỏa thuận với công ty Sonadezi cho mục đích thuê đất xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai.

**8. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Các khoản phải thu khách hàng	60.132.551.559	47.609.146.217	62.228.288.748	48.708.540.310
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.452.992.617	-	11.452.992.617	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.585.544.176</b>	<b>47.609.146.217</b>	<b>73.681.281.365</b>	<b>48.708.540.310</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	10.048.798.341	-	3.505.661.597	-
Nguyên liệu, vật liệu	209.817.855.918	(10.710.033.444)	196.393.207.223	(6.022.901.941)
Thành phẩm	147.131.697.282	(9.119.014.634)	151.718.369.491	(10.356.038.566)
Hàng hóa	8.753.527.734	-	9.420.900.910	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>375.751.879.275</b>	<b>(19.829.048.078)</b>	<b>361.038.139.221</b>	<b>(16.378.940.507)</b>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	16.378.940.507	15.090.250.750
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.809.169.721	4.760.714.411
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.359.062.150)	(2.265.803.550)
Số cuối kỳ	19.829.048.078	17.585.161.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	197.286.321.894	307.002.767.411	14.371.903.738	45.059.065.180	19.789.885.493	583.509.943.716
- Mua trong kỳ	-	-	81.859.140	33.899.927	124.516.414	240.275.481
- Thanh lý, nhượng bán	-	(524.837.016)	(91.475.944)	(834.336.364)	-	(1.450.649.324)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	197.286.321.894	306.477.930.395	14.362.286.934	44.258.628.743	19.914.401.907	582.299.569.873
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	21.104.538.726	122.245.043.197	11.766.203.979	10.349.657.357	13.791.055.408	179.256.498.667
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	97.084.546.369	226.146.557.873	13.503.187.299	28.037.307.059	17.033.338.141	381.804.936.741
- Khấu hao trong kỳ	6.472.640.385	8.223.389.476	266.818.453	2.072.732.343	380.999.592	17.416.580.249
- Thanh lý, nhượng bán	-	(524.837.016)	(91.475.944)	(695.280.300)	-	(1.311.593.260)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	103.557.186.754	233.845.110.333	13.678.529.808	29.414.759.102	17.414.337.733	397.909.923.730
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	100.201.775.525	80.856.209.538	868.716.439	17.021.758.121	2.756.547.352	201.705.006.975
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	93.729.135.140	72.632.820.062	683.757.126	14.843.869.641	2.500.064.174	184.389.646.143

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 38 tỷ VND đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	686.893.687	41.013.062.876
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	686.893.687	41.013.062.876
<b>Trong đó:</b>					
Đã hao mòn hết	-	7.831.500.000	6.866.430.149	686.893.687	15.384.823.836
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	21.517.144.114	7.831.500.000	7.317.430.241	686.893.687	37.352.968.042
- Hao mòn trong kỳ	731.595.762	-	46.500.000	-	778.095.762
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	22.248.739.876	7.831.500.000	7.363.930.241	686.893.687	38.131.063.804
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.049.240.886	-	610.853.948	-	3.660.094.834
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.317.645.124	-	564.353.948	-	2.881.999.072

## Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 1)	34.285.000.000	(15.425.858.966)	34.285.000.000	(15.425.858.966)	
- Công ty Cổ phần Everpia Korea	34.285.000.000	(15.425.858.966)	34.285.000.000	(15.425.858.966)	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	12.790.390.000	(11.590.390.000)	15.190.390.000	(11.590.390.000)	
- Công ty Cổ phần Texpia	11.590.390.000	(11.590.390.000)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	
- Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	1.200.000.000	-	3.600.000.000	-	
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	2.638.200.000	-	2.638.200.000	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.713.590.000</b>	<b>(27.016.248.966)</b>	<b>52.113.590.000</b>	<b>(27.016.248.966)</b>	

(\*) Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia (*)	44%	44%	44%	44%
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech (**)	24%	24%	24%	24%

(\*) Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472033001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 2 tháng 4 năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục mua lại tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Texpia đã hoàn thành việc quyết toán thuế cũng như các thủ tục với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai và đang tiếp tục làm việc với các cơ quan khác liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp.

(\*\*) Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0108559121 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 12 năm 2019 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai được cấp ngày 7 tháng 10 năm 2020. Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech có trụ sở tại Lô 47, Khu Dự án HDI, Đường Mạc Thái Tông, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech là phát triển phần mềm và hệ thống quản lý cho thiết bị thanh toán POS, cung cấp dịch vụ đại lý thanh toán thẻ tín dụng và dịch vụ bảo trì phần cứng thiết bị thanh toán POS.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Trong kỳ, Công ty đã nhận được số cổ tức được chia là: 92.000.000 VND (2020: 300.000.000 VND).

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng	2.713.807.396	2.269.799.999
Bảo hiểm cháy nổ	424.970.928	472.218.749
Phí quảng cáo	219.473.708	505.124.168
Phí nhượng quyền King Koil	495.237.375	-
Hệ thống ERP	247.352.500	-
Khác	996.423.452	117.966.970
	<b>5.097.265.359</b>	<b>3.365.109.886</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí nội thất showroom	5.052.809.395	4.969.395.969
Tiền thuê đất trả trước	7.344.481.624	7.507.692.322
Tiền thuê mặt bằng	9.243.834.540	9.450.267.599
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	3.191.566.914	2.689.711.915
Khác	1.266.031.711	933.516.287
	<b>26.098.724.184</b>	<b>25.550.584.092</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	63.401.554.684	63.401.554.684	40.549.932.125	40.549.932.125
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	8.016.845.039	8.016.845.039	3.824.488.423	3.824.488.423
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Ngân Hà	3.641.498.953	3.641.498.953	1.700.016.514	1.700.016.514
- Phải trả đối tượng khác	51.743.210.692	51.743.210.692	35.025.427.188	35.025.427.188
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	62.113.536	62.113.536	3.534.174.576	3.534.174.576
	<b>63.463.668.220</b>	<b>63.463.668.220</b>	<b>44.084.106.701</b>	<b>44.084.106.701</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hải An	3.238.914.234	2.566.237.737
Công ty TNHH ODK Mikazuki Việt Nam	2.896.959.120	-
Công ty TNHH Petit Elin	647.481.308	2.335.167.208
Các đối tượng khác	12.343.803.599	11.344.280.103
	<b>19.127.158.261</b>	<b>16.245.685.048</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	5.193.720.680	15.438.248.723	(16.573.815.792)	4.058.153.611
Thuế xuất và nhập khẩu	99.811.731	2.353.840.060	(2.353.840.060)	99.811.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	8.871.223.939	3.397.765.801	(8.871.223.939)	3.397.765.801
Thuế thu nhập cá nhân	1.436.490.423	4.752.591.877	(4.853.279.583)	1.335.802.717
Các loại thuế khác	36.603.303	351.159.690	(386.762.993)	1.000.000
	<b>15.637.850.076</b>	<b>26.293.606.151</b>	<b>(33.038.922.367)</b>	<b>8.892.533.860</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí xuất nhập khẩu	905.454.545	840.149.095
Chi phí thuê nhà	440.661.845	440.661.843
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	210.000.000	168.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	327.676.933	356.837.700
Chi phí phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.358.367.672	-
	<b>6.242.160.993</b>	<b>1.805.648.638</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi vay phải trả (Thuyết minh số 19)	17.943.638.048	778.929.005
Kinh phí công đoàn	165.808.948	186.784.384
Bảo hiểm xã hội	11.196.116	22.631.460
Phải trả ngắn hạn khác	556.209.466	363.711.124
	<b>18.676.852.578</b>	<b>1.352.055.973</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	14.900.010.250	15.986.415.820
Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng	2.762.996.314	2.762.996.314
Phải trả dài hạn khác	116.818.000	116.818.000
	<b>17.779.824.564</b>	<b>18.866.230.134</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Số phát sinh trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			
<b>Ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	47.749.318.838	47.749.318.838	114.563.976.487	(66.143.513.927)	(138.044.876)	96.031.736.522	96.031.736.522
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	1.213.767.582	1.213.767.582	-	(675.906.229)	-	537.861.353	537.861.353
	<b>48.963.086.420</b>	<b>48.963.086.420</b>	<b>114.563.976.487</b>	<b>(66.819.420.156)</b>	<b>(138.044.876)</b>	<b>96.569.597.875</b>	<b>96.569.597.875</b>
<b>Dài hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	603.556.941	603.556.941	-	-	63.608.059	667.165.000	667.165.000
	<b>603.556.941</b>	<b>603.556.941</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.608.059</b>	<b>667.165.000</b>	<b>667.165.000</b>
	<b>49.566.643.361</b>	<b>49.566.643.361</b>	<b>114.563.976.487</b>	<b>(66.819.420.156)</b>	<b>(74.436.817)</b>	<b>97.236.762.875</b>	<b>97.236.762.875</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH MTV Woori Bank - Chi nhánh Hà Nội	45.257.529.979 VND	Vay ngắn hạn 6 tháng. Lãi vay thanh toán vào ngày 26 hàng tháng. Khế ước cuối cùng đảo hạn vào ngày 10 tháng 12 năm 2021	4,75%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	50.774.206.543 VND	Vay ngắn hạn 6 tháng. Lãi vay được thanh toán vào ngày 28 hàng tháng. Khế ước cuối cùng đảo hạn vào ngày 21 tháng 12 năm 2021	1,24% - 1,31%	Máy móc thiết bị của công ty tại nhà máy Hưng Yên và quyền thụ hưởng các khoản phải thu.
	<b>96.031.736.522</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	1.205.026.353	4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 26 tháng 7 năm 2022. Lãi vay được thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng.	1,9% - 1,92%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa.
	<b>1.205.026.353</b>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn

trả

537.861.353

Vay dài hạn

667.165.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 10.100.000 đô la Mỹ (tương đương 230.431.500.000 VND) được phát hành vào ngày 6 tháng 9 năm 2018 ("Ngày phát hành") với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không có tài sản đảm bảo và có lãi suất 1%/năm.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên (do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được hoán đổi) và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả dài hạn.

Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, trái chủ có quyền hoán đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh giảm không quá 70% của giá chuyển đổi ban đầu sau thời điểm phát hành (12.772 VND), bắt đầu sau một năm kể từ ngày phát hành cho đến 1 tháng trước ngày đáo hạn. Trái chủ cũng có quyền chọn bán bằng cách có thể yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ trái phiếu mỗi 3 tháng sau ba năm kể từ ngày phát hành cho tới ngày đáo hạn (từ ngày 6 tháng 9 năm 2021 đến ngày 6 tháng 9 năm 2023). Giá mua lại bằng mệnh giá trái phiếu cộng thêm lãi suất kép 3,5%/năm, không bao gồm phần lãi 1% đã trả.

Trong kỳ, Công ty đã nhận được thông báo từ phía trái chủ liên quan đến việc yêu cầu mua lại trái phiếu theo quyền chọn bán. Theo đó, Công ty đã ước tính phần lãi phải thanh toán bổ sung tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 16.347.519.543 VND để ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ này.

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của trái phiếu chuyển đổi như sau:

		<i>Thay đổi trong kỳ</i>			<i>Đơn vị tính: USD</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Phát hành thêm</i>	<i>Đã chuyển thành cổ phiếu</i>	<i>Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá trị	10.100.000	-	-	-		10.100.000
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
				<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	
Giá trị trái phiếu chuyển đổi				232.581.588.000	232.024.371.000	
Cơ cấu vốn chủ sở hữu				-	-	
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu				232.581.588.000	232.024.371.000	
<i>Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu</i>						
Số đầu kỳ				1.417.434.000	944.956.000	
Số phân bổ tăng trong kỳ				1.410.465.000	354.358.500	
Số cuối kỳ				2.827.899.000	1.299.314.500	
<i>Cộng: Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ</i>						
				(959.500.000)	707.000.000	
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ				233.032.553.000	233.085.729.500	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	1.912.789.888	409.447.046.136	958.230.290.271
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(5.054.987.080)	(5.054.987.080)
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	3.594.413.393	(3.594.413.393)	-
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(34.243.175.701)	(34.243.175.701)
- Giảm khác	-	-	-	(1.814.225.974)	-	(1.814.225.974)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	3.692.977.307	366.554.469.962	917.117.901.516
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	2.273.497.330	402.289.772.460	951.433.724.037
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.254.268.247	9.254.268.247
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	2.102.846.556	(2.102.846.556)	-
- Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	(37.991.437.250)	(37.991.437.250)
- Giảm khác	-	-	-	(474.185.000)	-	(474.185.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	3.902.158.886	371.449.756.901	922.222.370.034

(\*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2021/NQ ngày 23 tháng 4 năm 2021, Công ty công bố cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2020 theo tỷ lệ 10% mệnh giá (1.000 VND/1 cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247
Cổ phiếu quỹ	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)
	<b>546.870.454.247</b>	<b>546.870.454.247</b>	<b>546.870.454.247</b>	<b>546.870.454.247</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>	
Số đầu kỳ	419.797.730.000	419.797.730.000
Số cuối kỳ	419.797.730.000	419.797.730.000

**20.4 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ</b>	
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2020: 1.000 VND/cổ phiếu (2019: 900 VND/cổ phiếu)	37.991.437.250	34.243.175.701
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.5 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>41.979.773</b>	<b>41.979.773</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>41.979.773</b>	<b>41.979.773</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>(3.931.800)</b>	<b>(3.931.800)</b>
Cổ phiếu phổ thông	(3.931.800)	(3.931.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>38.047.973</b>	<b>38.047.973</b>
Cổ phiếu phổ thông	38.047.973	38.047.973
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

**20.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2021/NQ ngày 23 tháng 4 năm 2021 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia	30.160.675.690	30.160.675.690
Dự phòng phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia (xóa sổ từ năm 2018)	(30.160.675.690)	(30.160.675.690)
Phải thu khác	2.389.798.881	2.389.798.881
Dự phòng phải thu khác	(2.389.798.881)	(2.389.798.881)
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	439.132,50	276.667,28
- Euro (EUR)	84.435,03	6.409,73

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>413.823.490.395</b>	<b>383.744.541.248</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	237.217.336.436	212.900.238.415
Doanh thu thành phẩm bông	103.430.377.370	95.175.001.998
Doanh thu thành phẩm khăn	40.890.574.502	45.685.380.518
Doanh thu chần bông	14.556.949.172	17.352.737.937
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	17.728.252.915	12.631.182.380
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(448.215.754)	(349.953.836)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>413.375.274.641</b>	<b>383.394.587.412</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	236.769.120.682	212.550.284.579
Doanh thu thành phẩm bông	103.430.377.370	95.175.001.998
Doanh thu thành phẩm khăn	40.890.574.502	45.685.380.518
Doanh thu chần bông	14.556.949.172	17.352.737.937
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	17.728.252.915	12.631.182.380

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.947.017.284	21.087.552.869
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.764.372.303	2.338.393.727
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.275.185.160	1.418.328.319
Cổ tức, lợi nhuận được chia	218.000.000	-
	<b>21.204.574.747</b>	<b>24.844.274.915</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	162.110.354.231	161.644.921.526
Giá vốn thành phẩm bông	61.996.840.851	58.687.329.091
Giá vốn thành phẩm khăn	35.359.503.352	42.338.926.925
Giá vốn chần bông	12.516.190.912	14.705.554.827
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	12.482.454.135	8.049.436.902
	<b><u>284.465.343.481</u></b>	<b><u>285.426.169.271</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân công	36.686.851.102	32.885.855.994
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.424.890.858	23.144.551.571
- Chi phí nguyên vật liệu	3.765.042.824	1.783.221.766
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.171.119.086	1.112.629.344
- Chi phí khác	4.358.766.378	5.810.277.702
	<b><u>79.406.670.248</u></b>	<b><u>64.736.536.377</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân công	22.308.520.576	24.374.091.281
- Chi phí dự phòng nợ phải thu	1.300.088.741	7.792.146.016
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.621.851.573	6.063.716.958
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.391.471.942	4.108.807.991
- Chi phí khác	3.254.139.136	4.244.078.595
	<b><u>35.876.071.968</u></b>	<b><u>46.582.840.841</u></b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi tiền vay	18.206.882.646	8.067.325.700
Dự phòng tổn thất đầu tư và giảm giá chứng khoán kinh doanh	887.544.524	5.000.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.342.449.468	1.971.639.110
Chi phí tài chính khác	1.494.538.828	517.052.087
	<b><u>22.931.415.466</u></b>	<b><u>15.556.016.897</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	584.000.000	27.483.636
Các khoản khác	198.256.145	349.469.515
	<b>782.256.145</b>	<b>376.953.151</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	139.056.064	70.920.209
Chi phí phạt, đền bù	-	705.803.875
Chi phí khác	429.119.557	198.292.597
	<b>568.175.621</b>	<b>975.016.681</b>
<b>LỢI NHUẬN/ (LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b>214.080.524</b>	<b>(598.063.530)</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.014.204.866	235.101.586.637
Chi phí nhân công	88.071.649.934	92.957.945.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.501.913.337	25.468.144.623
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	18.194.676.011	22.731.912.528
Chi phí khác	5.711.596.164	13.416.251.641
	<b>394.494.040.312</b>	<b>389.675.841.360</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập thu được cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.397.765.801	2.639.113.065
Thu nhập chi phí thuế TNDN hoãn lại	(537.605.299)	(2.244.890.574)
	<b><u>2.860.160.502</u></b>	<b><u>394.222.491</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	12.114.428.751	(4.660.764.589)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.422.885.750	(932.152.918)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	454.474.752	326.375.409
Dự phòng đầu tư nước ngoài	-	1.000.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(17.200.000)	-
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b><u>2.860.160.502</u></b>	<b><u>394.222.491</u></b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.965.809.615	3.275.788.101	690.021.514	498.982.172
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.251.155.976	11.450.424.595	(199.268.619)	1.286.987.638
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.980.002.050	3.197.283.165	(217.281.115)	108.838.454
Chi phí phân bổ dự phòng hoàn trả mặt bằng	386.819.482	331.559.556	55.259.926	55.259.926
Chi tài trợ giáo dục	463.000.000	463.000.000	-	-
Các khoản khác	243.767.202	113.638.773	130.128.429	227.845.112
	<b>19.290.554.325</b>	<b>18.831.694.190</b>	<b>458.860.135</b>	<b>2.177.913.302</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	(491.920.654)	(570.665.818)	78.745.164	66.977.272
	<b>(491.920.654)</b>	<b>(570.665.818)</b>	<b>78.745.164</b>	<b>66.977.272</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>18.798.633.671</b>	<b>18.261.028.372</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ</b>			<b>537.605.299</b>	<b>2.244.890.574</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, công cụ Mua dịch vụ	24.062.820.089 4.358.367.672	47.109.042.945 -
Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch HĐQT	Thuê văn phòng	-	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	Công ty liên kết	Góp vốn kinh doanh Nhận cổ tức	- 2.400.000.000	3.600.000.000 -

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty không trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối kỳ của các khoản phải trả với bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	62.113.536	3.534.174.576
			<b>62.113.536</b>	<b>3.534.174.576</b>
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua dịch vụ	4.358.367.672	-
			<b>4.358.367.672</b>	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Hội Đồng Quản trị</b>			
Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc	3.013.809.206	3.399.412.085
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	1.460.825.602	1.722.684.737
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc	1.274.946.804	1.474.775.507
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai	1.223.081.702	1.749.216.708
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	21.600.000	43.200.000
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên	43.200.000	43.200.000
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên	43.200.000	43.200.000
<b>Ban kiểm soát</b>			
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	43.200.000	43.200.000
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Nguyễn Đắc Hường	Thành viên	43.200.000	43.200.000
		<b>7.210.263.314</b>	<b>8.605.289.037</b>

**30. CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê phòng trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	14.743.809.858	12.010.832.537
Từ 1 đến 5 năm	15.127.503.465	22.948.192.340
	<b>29.871.313.323</b>	<b>34.959.024.877</b>

**31. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

Đại dịch Covid-19 đang ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2021, Công ty đã nhận được giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 7658827507 cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cho dự án đầu tư Nhà máy Everpia tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai. Dự án đầu tư này được triển khai thay thế cho dự án Nhà máy Everpia tại Khu công nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai của Công ty khi Nhà máy này đến hạn hoàn trả mặt bằng vào năm 2022.

Vào ngày 6 tháng 8 năm 2021, Công ty đã nhận được văn bản chính thức từ phía trái chủ của khoản trái phiếu chuyển đổi liên quan đến việc yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu theo quyền chọn bán trước ngày đáo hạn vào tháng 9 năm 2021.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính kế toán  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021